

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh
(22820003)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-09

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA			9.0	5.0	6.6	
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA			7.8	5.3	6.3	
3	2122180116	Trần Đức Dũng	09/09/2003	CCQ2218D			8.0	5.3	6.4	
4	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA			8.5	4.1	5.9	
5	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA			8.2	4.4	5.9	
6	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA			8.8	5.4	6.8	
7	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA			8.3	5.4	6.6	
8	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	CCQ2218LA			7.7	5.6	6.4	
9	2122180109	Đinh Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA			8.2	3.3	5.3	
10	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA			8.0	3.6	5.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh
(22820001)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 34...

Số bài thi: 34.....

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180072	Nguyễn Quốc Anh	29/11/2003	CCQ2218C			6.7	3,7	4,9	
2	2122180100	Lê Trung Đức	25/07/2004	CCQ2218C			7.0	6,0	6,4	
3	2122180051	Nguyễn Tùng Dương	20/11/2004	CCQ2218B			6.8	4,0	5,1	
4	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D			7.5	4,6	5,8	
5	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A			0.0			
6	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D			8.0	8,7	8,4	
7	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A			7.2	5,3	6,1	
8	2122180103	Huỳnh Hậu Hữu	09/01/2004	CCQ2218D			7.5	6,7	7,0	
9	2122180065	Nguyễn Nhất Huy	26/11/2003	CCQ2218B			7.2	4,4	5,5	
10	2122180020	Nguyễn Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A			7.8	4,4	5,8	
11	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C			8.3	3,7	5,5	
12	2122180069	Võ Đăng Khoa	17/04/2004	CCQ2218C			7.0	4,1	5,3	
13	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A			7.3	4,4	5,6	
14	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C			7.0	5,1	5,9	
15	2122180086	Trương Bá Luận	15/02/2004	CCQ2218C			7.2	4,1	5,3	
16	2122180085	Lê Xuân Lực	04/07/2004	CCQ2218C			6.7	6,9	6,8	
17	2122180083	Nguyễn Văn Minh	21/05/2004	CCQ2218C			7.0	3,9	5,1	
18	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B			8.2	6,0	6,9	
19	2122180081	Hồ Đỗ Trung Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C			7.0	3,0	4,6	
20	2122180003	Nguyễn Minh Nhật	28/10/2004	CCQ2218A			8.2	4,7	6,1	
21	2122180123	Huỳnh Minh Phát	06/05/2004	CCQ2218D			8.0	4,4	5,8	
22	2122180028	Nguyễn Dương Tấn Phát	05/02/2004	CCQ2218A			7.7	5,6	6,4	
23	2122180014	Trần Thanh Phong	17/03/2004	CCQ2218A			6.5	6,0	6,2	
24	2122180009	Phạm Tấn Sinh	15/07/2004	CCQ2218A			0.0			
25	2122180079	Đàng Lưu Sữ	22/02/2001	CCQ2218C			7.8	7,4	7,6	
26	2122180064	Bùi Ngọc Thiện	04/10/2004	CCQ2218B			8.2	5,4	6,5	
27	2122180046	Nguyễn Văn Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B			7.8	5,0	6,1	
28	2122180089	Nguyễn Văn Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C			7.2	3,9	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh
(22820001)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-13

Số SV có mặt: 34....

Số bài thi: 34.....

Số tờ giấy thi:.....

(Handwritten signatures and names of examiners)
Vũ Thị Hương Lê Thị Mạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		Tiến	7.3	5,1	6,0	
30	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B		Tính	7.0	5,6	6,2	
31	2122180038	Nguyễn Đình	Trưởng	01/10/2004	CCQ2218B			0.0			
32	2122180113	Tăng Văn	Trưởng	29/10/2004	CCQ2218D		Trưởng	8.0	7,0	7,4	
33	2122180092	Phan Thái	Tú	20/06/2004	CCQ2218C		Phan	6.3	5,7	5,9	
34	2122180059	Bảo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		Tuấn	9.0	5,7	7,0	
35	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		Vạn	7.2	6,4	6,7	
36	2122180077	Thập Văn Anh	Vũ	02/04/2004	CCQ2218C		Thập	8.2	4,1	5,7	
37	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B		Lê	7.7	6,1	6,7	